SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 5237
Giờ ..... Ngày 21 tháng 02 năm 11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 4 - NĂM 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	NĂM 2010		NĂM 2009	
			Quý 4	Luỹ kế từ đầu năm	Quý 4	Luỹ kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	**01**	**19**	**99,598,526,031**	**383,606,853,967**	**85,845,964,793**	**311,981,464,018**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99,598,526,031	383,606,853,967	85,845,964,793	311,981,464,018
4. Giá vốn hàng bán	11	20	91,252,577,654	321,335,075,738	75,735,602,531	269,526,983,146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**8,345,948,377**	**62,271,778,229**	**10,110,362,262**	**42,454,480,872**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1,582,581,620	3,558,691,646	410,752,357	2,477,367,053
7. Chi phí tài chính	22	22	2,950,601,636	10,135,050,521	2,815,508,889	4,067,771,827
-Trong đó: Lãi vay phải trả	*23*		*2,809,394,836*	8,834,402,721		*3,407,893,478*
8. Chi phí bán hàng	24		186,410,023	671,843,347	298,696,948	848,954,220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,351,004,985	13,649,943,305	3,657,662,677	9,560,625,819
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1,440,513,353**	**41,373,632,702**	**3,749,246,105**	**30,454,496,059**
11. Thu nhập khác	31		354,627,443	889,443,705	902,838,328	2,302,825,264
12. Chi phí khác	32			256,806,371	579,482,777	1,034,167,676
13. Lợi nhuận khác	**40**		**354,627,443**	**632,637,334**	**323,355,551**	**1,268,657,588**
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45				(396,068,715)	(396,068,715)
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	**50**		**1,795,140,796**	**42,006,270,036**	**4,072,601,656**	**31,327,084,932**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		411,379,397	10,447,759,196	2,376,871,877	9,478,726,313
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**1,383,761,399**	**31,558,510,840**	**1,695,729,779**	**21,848,358,619**
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		56,901,663	61,628,654	(176,163,316)	(370,532,295)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		1,326,859,736	31,496,882,186	1,871,893,095	22,218,890,914
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					3,444

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Hồng Nga	Vũ Sinh Thiện	TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Chính

S.Đ.K.K.D: 4103008... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH